

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

2. Bà Trương Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N - Sinh năm 1986.

Bị đơn: Anh Hà Văn D - Sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Đội 10, xã P, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N và anh D vắng mặt (chị N, anh D xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2019, bản tự khai đề ngày 14/6/2019, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Hà Văn D năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D có tính ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến anh D chửi bới, đánh đập chị. Chị đã tha thứ cho anh D nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Hiện nay anh chị đang sống ly thân, chị xác định mâu thuẫn đã vô cùng trầm trọng, chị không thể chịu đựng anh D được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là Hà Thị H, sinh ngày 12/8/2003; Hà Thị Tuyết Nh, sinh ngày 27/02/2007; Hà Thị C, sinh ngày 13/9/2009. Chị có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung, chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Hà Văn D trình bày trong bản tự khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh Hà Văn D trình bày phù hợp với lời khai của chị N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, to tiếng. Mọi mâu thuẫn xoay quanh từ việc dân làng đồn đoán chị N có quan hệ với người đàn ông khác, từ đó anh và chị N có lời qua tiếng lại. Chị N có tính tình nóng nảy không nghe theo lời khuyên bảo của anh khiến cho chuyện nhỏ hóa chuyện lớn, mỗi lần vợ chồng cãi nhau chị N lại bỏ đi, không về nhà nữa. Anh xác định tình cảm với chị N vẫn còn nên anh muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận anh chị có 03 con chung như chị N đã trình bày. Anh đề nghị được nuôi cả ba con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu chị N cũng có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung thì anh cũng đồng ý, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho cả ba cháu

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng giữa chị N và anh D không thống nhất được vấn đề về tình cảm nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị N, anh D đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn” do nguyên đơn chị Trần Thị N thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Hà Văn D có nơi cư trú tại đội 10, xã P, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N, anh D đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị N và anh D được xác lập vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị N cho rằng anh D có tính ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác nên chửi bới chị, chị đã tha thứ nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Trong khi đó, anh D cho rằng các mâu thuẫn giữa anh và chị N xoay quanh việc dân làng đồn đoán chị N có quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng có lời qua tiếng lại, chị N tính tình nóng nảy, không chịu nghe theo lời khuyên bảo của anh, anh D vẫn còn tình cảm với chị N và không đồng ý ly hôn. Mặc dù không muốn ly hôn nhưng bản thân anh D cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm với chị N. Trong khi chị N xác định không còn tình cảm với anh D, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa nên kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N xử cho chị N, anh D ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị N và anh D có ba con chung là Hà Thị H, sinh ngày 12/8/2003; Hà Thị Tuyết Nh, sinh ngày 27/02/2007; Hà Thị C, sinh ngày 13/9/2009. Chị N có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Anh D nguyện vọng xin nuôi cả ba con chung nhưng anh cũng có quan điểm nếu chị N đồng ý nuôi cả ba con chung anh cũng sẽ đồng ý và sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng đối với cả ba cháu (cấp dưỡng nuôi cháu H 600.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Nh, C mỗi cháu 700.000 đồng/ tháng), chị N đồng ý với mức cấp

đường nuôi con chung này. Các con chung của anh chị đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét nguyện vọng của chị N, anh D và các cháu H, Nhung, C, xét điều kiện thực tế hiện nay cháu đang ổn định cuộc sống và việc học tập tại xã P, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, HĐXX thấy không nên thay đổi làm xáo trộn tâm lý của cháu. Vì vậy nên giao các cháu H, Nh, C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000 đồng, cụ thể cấp dưỡng nuôi cháu H 600.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Nh, C mỗi cháu 700.000 đồng/ tháng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị N, anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Chị N, anh D phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Hà Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Hà Thị H, sinh ngày 12/8/2003; Hà Thị Tuyết Nh, sinh ngày 27/02/2007; Hà Thị C, sinh ngày 13/9/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; Anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000 đồng (cụ thể cấp dưỡng nuôi cháu H 600.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Nh, C mỗi cháu 700.000 đồng/ tháng) kể từ tháng 8/2019 cho đến khi các con chung trưởng thành và tự lập được.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị N, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001145, ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Trần Thị N và anh Hà Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- UBND xã P: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Vũ Văn Anh